

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/DS-ST  
Ngày 13/4/2026  
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Vân.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1977; Địa chỉ: **2 ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Phạm Hoài P**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **1 ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long**. Anh **P** có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Mai Trí T1**, sinh năm 1978 và chị **Võ Thị C**, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: **6 ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến ngày 01/6/2024 anh **T** có bán thức ăn nuôi tôm, vật tư, thuốc thủy sản cho anh **Mai Trí T1** và chị **Võ Thị C**, để phục vụ việc nuôi tôm xây dựng kinh tế chung cho gia đình. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là anh **T** bán trước sau đó đến vụ tổng kết nợ lại thì anh **T1**, chị **C** trả nợ. Tính đến ngày 30/8/2024 số tiền mua thức ăn, nuôi tôm, vật tư thủy sản mà anh **T1**,

chị **C** còn nợ anh **T** là 62.651.000 đồng. Từ thời điểm chốt nợ cho đến nay, anh **T** nhiều lần anh yêu cầu anh **T1** và chị **C** trả số tiền 62.651.000 đồng nhưng anh **T1**, chị **C** vẫn không trả cho anh **T**. Tại bảng “Chi tiết công nợ phải thu” ngày 30/8/2024 âm lịch, anh **T1** có ghi rõ họ tên và ký nhận nợ với anh **T**, chữ viết **Mai Văn D** và chữ ký “**D**” cũng là do anh **T1** viết, do anh **Mai Trí T1** và anh **Mai Văn D** là một người, anh **Mai Trí T1** có tên thường gọi là **Mai Văn D**.

Anh **T** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Mai Trí T1**, chị **Võ Thị C** có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh **T** số tiền là 62.651.000 đồng, anh **T** tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu về việc tính lãi, việc này là do anh **T** tự nguyện.

Bị đơn anh **Mai Trí T1** và bà **Võ Thị C** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh **Mai Trí T1** và bà **Võ Thị C** có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh **Lê Văn T** số tiền là 62.651.000 đồng. Do anh **T** tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu về việc tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của anh **T**.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh **Mai Trí T1** và chị **Võ Thị C** cư trú tại **ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Anh **Phạm Hoài P** có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **P**.

- Bị đơn anh **Mai Trí T1** và chị **Võ Thị C** đã được Tòa án án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh **Mai Trí T1** và bà **Võ Thị C** đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Mai Trí T1** và bà **Võ Thị C**.

- Xét yêu cầu của anh **T** về việc tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu tính lãi với anh **T1** và chị **C** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **Lê Văn T** nợ lãi tính từ ngày

30/08/2024 đến ngày 30/05/2025 là 09 tháng x 0,83%/ tháng thành tiền là 520.000 đồng x 09 tháng = 4.680.000 đồng. Và lãi suất phát sinh từ ngày 01/06/2025 với mức lãi suất 1,66%/ tháng đến khi giải quyết xong vụ án. Xét thấy: việc ruùt yêu cầu khởi kiện nàoy anh **T** lao hoàn toàn tự nguyện và phươ hoiip với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật toá tuing dân sõi nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án: Anh **T** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **T1** và chị **C** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **T** số tiền là 62.651.000 đồng.

[5] Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc “Chi tiết công nợ phải thu” ngày 01/6/2024 đến ngày 30/8/2024 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Mai Trí T1** và bà **Võ Thị C** đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Toà án nhưng anh **T1** và chị **C** vẫn vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà **L** giao nộp để xét xử vụ án.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, xét thấy: Hợp đồng mua bán giữa anh **T** với anh **T1** và chị **C** được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng anh **T** và bà **C** đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó yêu cầu khởi kiện của anh **T1** là có căn cứ nên cần buộc anh **T1** và chị **C** có nghĩa vụ trả cho anh **T** số tiền là 62.651.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Văn T** chấp nhận nên anh **T1** và chị **C** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 218, 219, 227, 238, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Văn T** về việc yêu cầu anh **T1** và chị **C** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **Lê Văn T** nợ lãi tính từ ngày 30/08/2024 đến ngày 30/05/2025 là 09 tháng x 0,83%/ tháng thành tiền là 520.000 đồng x 09 tháng = 4.680.000 đồng. Và lãi suất phát sinh từ ngày 01/06/2025 với mức lãi suất 1,66%/ tháng đến khi giải quyết xong vụ án.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh **Lê Văn T**. Buộc anh **Mai Trí T1** và chị **Võ Thị C** có nghĩa vụ liên đới trả cho anh **Lê Văn T** số tiền 62.651.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh **Lê Văn T** được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.684.000 đồng theo biên lai thu số 0008065 ngày 31 tháng 10 năm 2025.

- Anh **Mai Trí T1** và chị **Võ Thị C** phải liên đới nộp là 3.132.550 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Vân**

